*ĐỀ TÀI: NÉT CỔ ĐIỂN VÀ HIỆN ĐẠI TRONG THƠ NGUYỄN BÍNH*

I/ĐẶT VẤN ĐỀ

Cứ thấp thoáng đi về một "người nhà quê" trong thơ Nguyễn Bính. Một mối tình "chân quê" với cô thôn nữ yếm thắm, răng đen "cười như mùa thu tỏa nắng", với làng quê VN tưởng như xưa cũ tự ngàn đời. Nương về những mái đình, cây đa, bến nước để hồn thơ vương vấn mãi một thuở nào hồn nhiên như cây cỏ, như đất trời, như thầy u, chúng mình. Nếu Xuân Diệu, lữ khách li hương bỏ làng quê nông thôn thuần hậu để đến với thế giới thị thành văn minh, thì Nguyễn Bính không thể nào xa rời cái chốn thôn sơ ấy. Mỗi lần đọc thơ, cứ thấy một chàng trai khăn xếp, quần lĩnh đợi ai đầu làng, thấy như lời tỏ tình nào e ấp mãi, thấy như cứ đau đáu ảnh mắt trách móc cô gái nào bỏ quên cái chân quê để làm khổ ai... Thế nhưng, thơ NB tuy giản dị đấy, chân quê đấy những vẫn thấy đâu đây thấp thoáng bóng dáng thị thành. Tuy không rực rỡ đèn hoa, không sang trọng, không có "ánh điện cửa gương" nhưng chất hiện đại cũng là một phần trong hồn thơ Nguyễn Bính. Sự hòa hợp giữa cổ điển và hiện đại đã giups thơ Nguyễn Bính mang một màu sắc riêng và một luồng gió mới cho phong trào thơ mới. Vâng, và đó cũng chính là đề tài thuyết trình của tổ em hôm nay: Nét cổ điển và hiện đại trong thơ Nguyễn Bính

II/ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ:

1.Tác giả tác phẩm:

Nguyễn Bính (1918-1966) tên thật là Nguyễn Trọng Bính, quê ở làng Thiện Vịnh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Đinh trong một gia đình nhà Nho nghèo. Cha là Nguyễn Đạo Bình là một ông đồ Nho, thuở nhỏ Nguyễn Bính học với cha và về sau được cậu ruột Bùi Trình Khiêm nuôi dạy. Vì thế, Nguyễn Bính có một vốn chữ Hán để thưởng thức những bài thơ cổ và sáng tác một vài câu thơ bằng chữ thánh hiền. Ông có năng khiếu thơ từ nhỏ, năm 13 tuổi đã được giải nhất trong cuộc thi thơ đầu xuân ở hội làng. Bài thơ được đăng báo đầu tiên là bài “Cô hái mơ”. Năm 1937, Nguyễn Bính gửi tập thơ “Tâm hồn tôi” dự thi và được giải thưởng của Tự Lực Văn Đoàn. Từ đấy, người ta thấy trong làng thơ mới của Việt Nam xuất hiện một tài năng có giọng điệu thơ riêng biệt, khó trộn lẫn và mau chóng chiếm được tình cảm của đông đảo bạn đọc.

2.1 Nét cổ điển và hiện đại trong thơ Nguyễn Bính đề tài sáng tác:

* Nguyễn Bính thi sĩ của đồng quê:

Đề tài quê hương đã in sâu trong văn chương suốt nhiều thế kỉ. Nhiều nhà thơ lớn như Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Tản Đà…đều có những bài thơ hay viết về làng quê. Phong trào Thơ mới cũng không đi ra khỏi quy luật ấy. "Tràng giang" của Huy Cận, "Đây thôn Vĩ Dạ", "Lời quê" của Hàn Mặc Tử, "Quê hương" của Tế Hanh, và nhiều bài thơ của Bàng Bá Lân, Anh Thơ, Đoàn Văn Cừ, Nguyễn Bính, những tác giả chuyên chú về đề tài làng quê đã tạo nên một mảng thơ quê hương đậm đà màu sắc dân tộc và có giá trị. Nguyễn Bính là tác giả tiêu biểu hơn cả. Ông được xem như là thi sĩ của đồng quê. Con người và cảnh vật làng quê thấm đượm hồn quê. Trong một kỉ niệm riêng về Nguyễn Bính, nhà văn Tô Hoài đã viết: “Khi nào anh cũng là người của các xứ đồng, của cái diều bay, của dây hoa lý, của mưa thưa, mưa bụi giữa công ăn việc làm vất vả sương nắng. Bởi đấy là cốt lõi của cuộc đời và tâm hồn thơ của Nguyễn Bính, Quê hương là tất cả và cũng là nơi in đậm dấu vết của đời mình”. Nhận xét về Nguyễn Bính, Hoài Thanh cũng viết: “Và thơ Nguyễn Bính đã đánh thức người nhà quê vẫn ẩn nấu trong lòng ta. Ta bỗng thấy vườn cau, bụi chuối là hoàn cảnh tự nhiên của ta, và những tính tình đơn giản của dân quê là những tính tình căn bản của ta”. Giọng thơ Nguyễn Bính cất lên, Người ta thấy ngay cái hồn của làng mạc, vườn tược, ruộng đồng:

*“Thôn Vân có biếc có hồng*

*Biếc trong nắng sớm, hồng trong vườn chiều*

*Đê cao có đất thả diều*

*Trời cao lắm lắm có nhiều chim bay*

*Quả lành trĩu nặng từng cây*

*Sen đầy ao cá, cá đầy ao sen*

*Hiu hiu gió quạt trăng đèn…”*

*(Anh về quê cũ)*

Đó là những hình ảnh có thật của thôn Vân, quê Mẹ thi sĩ, vùng đất của nhiều cây trái và nhiều loài hoa: “hoa lan, hoa huệ, hoa cúc, hoa từ tiên, hoa hồng quế… Mặt nước ao ngòi luôn có những hoa sen, hoa súng, hoa ấu và hoa chanh… Những vùng bờ ao um tùm những cây dâu quả thắm chen những gốc cam, sắn, ổi, táo, chay, nhãn, vải, dừa cũng không thiếu. Trước của nhà thấp thoáng những giàn đỗ biển, giàn nho, giàn thiên lý hoa vàng riêng biệt”(Bùi Hạnh Cẩn). Thiên nhiên ấy đã góp phần tạo thêm màu sắc cho thơ viết về làng quê của Nguyễn Bính. Phải chăng ta cũng bắt gặp trong ca dao những hình ảnh tương tự:

*“Trong đầm gì đẹp bằng sen*

*Lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng*

*Nhụy vàng bông trắng lá xanh*

*Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”*

*(Ca dao)*

Vâng! “Trong lịch sử thi ca Việt Nam, chưa bao giờ có một hồn thơ “quê mùa” như Nguyễn Bính” (Hoài Thanh). Khi Huy Cận, Xuân Diệu, Chế lan Viên và phần lớn các nhà thơ đương thời chịu ảnh hưởng của thơ phương Tây và chính nét đó đã đem lại cho phong trào thơ mới những đặc sắc thì Nguyễn Bính mang đến cho phong trào thơ mới một phong cách mộc mạc, chân quê, một lối nói ví von đậm đà màu sắc ca dao. Cái tôi của Nguyễn Bính là cái tôi nội cảm nhưng cũng là cái tôi đồng vọng của bao thời đại, bao lớp người, bao cảnh ngộ. Thi sĩ sinh ra ở hương đồng gió nội, những yêu thương và trăn trở của dân quê là của chính tác giả. Nhà thơ đã dễ dàng nói được cái tâm lí dân quê trong thơ mình, qua đó khơi gợi được những tình cảm tốt đẹp về quê hương trong lòng bạn đọc:

*Hoa chanh nở giữa vườn chanh*

*Thày u mình với chúng mình chân quê*

*(Chân quê)*

Nông thôn Việt Nam vốn quen thuộc với nếp sống cộng đồng làng xã. Con người ở đây được bao bọc trong những tình quê nguyên sơ, đậm đà, trong sáng như: Tình cảm gia đình, họ hàng, xóm giềng, bè bạn… Giữa một thiên nhiên vô tư khoáng đạt, giữa một nhịp điệu sống bình lặng nhẹ nhàng, những người quê có điều kiện để sống thực với bản chất của mình, yêu và ghét đều hết mình, bộc lộ chân thực niềm mong mỏi, mơ ước về những điều tốt đẹp và hạnh phúc.Thi sĩ đã thổi hồn vào các sự vật cái hồn quê của mình. Phải chăng, với cái tôi thôn dân, Nguyễn Bính đã chuẩn bị sẵn cho mình khả năng hòa lẫn trong vô số những tác giả xưa sống giữa dân gian, tên tuổi của họ bị lãng quên nhưng tác phẩm của họ vẫn được lưu truyền mãi từ đời này sang đời khác, nhất là ở chốn đồng quê? Văn học là một loại hình phản ánh hiện thực qua chất liệu là ngôn từ. “ Nhà văn phải là người thư kí trung thành của thời đại”(Banlzắc), đi sâu vào hiện thực đời sống của dân nhân và phản ánh qua lăng kính chủ quan của mình. Nguyễn Bính đã thực sự làm được điều ấy! Nếu Nguyễn Khuyến “nổi danh” ở văn học trung đại với vách nhìn, cách cảm về “làng cảnh Việt Nam” thì đến văn học hiện đại (thơ mới) Nguyễn Bính xứng đáng được xem là “nghệ sĩ của đồng quê”, ông xuất hiện với phong cách riêng, độc đáo, không lặp lại. Cùng một số nhà thơ khác như Anh Thơ, Bàng Bá Lân, Đoàn Văn Cừ… Nguyễn Bính đã tạo nên một dòng thơ mượt mà, trữ tình. Cách nhìn về cuộc đời và con người đã làm nên “cái tôi” vừa cổ điển vừa hiện đại khiến người đọc nhận thấy thơ ông ngập tràn hình ảnh rất riêng biệt của chốn thôn quê, chất chứa những tình cảm chân thành, nồng ấm của người dân quê hồn hậu. Nói thơ Nguyễn Bính vừa cổ điển vừa hiện đại quả thật không sai!

* Nguyễn Bính thi sĩ của tình yêu:

Bên cạnh đó, nét cổ điển và hiện đại của Nguyễn Bính không chỉ hiện lên qua cảnh sắc thiên nhiên chốn thôn quê mà còn hiện lên qua hình ảnh những con người chân chất mộc mạc với tình yêu rất “chân quê”. Xuân Diệu đến với bạn đọc yêu thơ qua nhiều bài thơ tình mới cả về tứ thơ, ngôn ngữ, âm điệu và phương pháp thể hiện. Thời đó, những ai đã tiếp xúc với văn học phương Tây và nhất là với văn học lãng mạn Pháp thì dễ tiếp thu và rất mê thơ Xuân Diệu. nhiều người nói thơ ông như một nguồn giao mới tiêu biểu cho thời đại văn minh. Vì trong thơ tình của Xuân Diệu luôn luôn có cái đắm say, bộc bạch, lại có cái vội vàng, hối hả, cuống quýt muốn tận hưởng ngay những cái gì hiện có của cuộc đời. Trong trạng thái vui, buồn, hờn tủi, thơ tình Xuân Diệu đều nồng nàn, tha thiết, đắm say, không có chút gì uẩn khúc. Vì vậy thơ ông đã chiếm lĩnh được tâm hồn của đông đảo thanh niên trong giới tri thức và tầng lớp thị dân. Còn Nguyễn Bính đến với bạn đọc như một cô gái quê kín đáo, mặn mà, duyên dáng. Người đọc thấy ở thơ ông những nét dung dị, đằm thắm, thiết tha, đậm sắc hồn dân tộc, gần gũi với ca dao. Cái tình trong thơ Nguyễn Bính luôn luôn mặn mà, mộc mạc, sâu sắc và tế nhị, hợp với phong cách và điệu tâm hồn của người Á Đông. Vì vậy, thơ Nguyễn Bính sớm đi sâu vào tâm hồn của nhiều lớp người và đã chiếm lĩnh được cảm tình của đông đảo bạn đọc từ thành thị đến nông thôn. Macxim Gorki từng cho rằng: “Người tạo nên tác phẩm là tác giả nhưng người quyết định số phận của tác phẩm là độc giả”. Người đọc chỉ ủng hộ và tạo nên số phận tốt đẹp cho những tác phẩm chân chính một khi tác phẩm ấy đề cập đến hiện thực đời sống đích thực của họ, nói về họ và vì họ.Có lẽ chính vì lí do đó có người nói: “Sau *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, chỉ có thơ Nguyễn Bính là được nhiều người, đặc biệt là lớp người bình dân ít chữ thuộc lòng, ngâm nga nhiều nhất”.

Đặc biệt, hình ảnh những cô gái quê trong thơ Nguyễn Bính gây nhiều ấn tượng đẹp với người đọc. Người con gái dệt cửi (Mưa xuân), cô lái đò, cô hái mơ… là những người lao động cần mẫn, có cuộc sống giản dị và kín đáo trong đời sống tình cảm. Tình yêu như một sức mạnh thầm kín luôn đẩy nhân vật vào trạng thái yêu đương xao xuyến, theo đuổi những cuộc tình duyên nồng cháy và nhiều khi dang dở, đắng cay. Nguyễn Bính có tài phát hiện tình cảm và những khao khát yêu đương ở mỗi người con gái cho dù việc đời đặt họ vào những nơi trang nghiêm. Mùa thu tới, mùa của cảm xúc yêu đương chứa chan trong tình người và cảnh vật thiên nhiên. Một chiều thu nhiều sương khói, cơn gió lạnh đầu mùa đã về, cỏ cây đang thay màu lá và các cô gái cũng đang chờ đợi, nhớ mong, khao khát một điều gì. Xuân Diệu trong “*Đây mùa thu tới”* đã viết:

*“Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói*

*Tựa cửa nhìn xa nghĩ ngợi gì.”*

Nguyễn Bính trong “*Bắt gặp mùa thu”* đã miêu tả sự nén chịu nhưng cũng rạo rực hơn của người con gái:

*“Sử nữ đôi cô buồn tựa cửa*

*Nghe mùa gió lạnh cắn môi tơ”*

Người con gái bên khung cửi, với mẹ già trong khuôn khổ, nền nếp của gia đình và như còn rất xa lạ với cuộc đời bên ngoài:

*“Lòng trẻ còn như cây lụa trắng*

*Mẹ già chưa bán chợ làng xa.”*

Tưởng rằng con người sống trong khung ấy sẽ chịu số phận của tấm lụa như trong ca dao xưa:

“*Thân em như tấm lụa đào*

*Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai”*

*(ca dao)*

Nhưng rồi tình yêu khi đã được nhen nhóm và thức dậy ở trong lòng thì cô gái sẽ có một con đường riêng, một cách riêng đẻ đến với tình yêu:

*“Lòng thấy giăng tơ một mối tình*

*Em ngừng thoi lại giữa tay xinh*

*Hình như hai má em bừng đỏ*

*Có lẽ là em nghĩ đến anh”*

*(Mưa xuân)*

Ngại ngùng, e thẹn nên cô không dám tự nhận tình cảm thật của mình mà chỉ là “hình như” và “có lẽ”. Mạnh dạn hơn, từ tâm trạng đã dẫn đến hành động. Tiếng trống chèo ở làng bên và lời hò hẹn với chàng trai đã trở thành động lực bên trong để cô gái vượt qua tất cả, dù đường xa, gió lạnh và cơn mưa bụi đêm xuân. E ấp, rụt rè nhưng tình yêu của những cô gái quê nhiều khi cũng mạnh dạn. Tình yêu đến với hai người sớm hơn sự chú ý của dư luận. Phải chăng đó cũng là nét chủ động của trai gái sẵn sàng vượt qua mọi thử thách:`

*“Em nghe họ nói mong manh*

*Hình như họ biết chúng mình với nhau”*

*(Chờ nhau)*

Còn hình ảnh cô lái đò đã từng có duyên nợ với mối tình. Nhưng rồi người tình đã không trở lại và có lẽ nào mãi ôm lòng chờ đợi. Người con gái đã đi lấy chồng. “Thuyền theo lái, gái theo chồng”. Cô lái đò cũng không ra ngoài quy luật ấy mặc dù vắng bóng cô lái thì dòng sông, bến sông và con đò như trống vắng và thiếu đi bao điều. Nguyễn Bính qua cuộc đời nhân vật đã đem bâng khuâng đến cho người đọc. Những mối tình đã nảy sinh ở chốn làng quê xa xôi ấy và như đã bị lắng đọng với thời gian, nhưng sao vẫn gợi nhiều bồi hồi xao xuyến với cuộc đời hôm nay. Đã yêu thì phải nhớ mong chờ đợi. Trai gái năm xưa thường rơi vào trạng thái tương tư khi tình yêu không diễn ra thuận chiều, gặp gỡ nhau rồi tương tư, ngày đêm nhớ mong. Biết bao nhiêu là ngăn cách nếu chỉ là đường xa nhiều trắc trở thì cũng dễ vượt qua. Nhưng còn ngăn cách vô hình và cũng không phải là cả hai đều tìm đến, để vượt lên trở ngại. Đôi khi chỉ là sự nhớ mong từ một phía. Thi sĩ đã diễn tả trạng thái tương tư của trai gái quê rất chân thực. Không sang trọng và nghệ thuật hóa như Xuân Diệu, không tài hoa, khắc khoải và có phần huyền bí như Hàn Mặc Tử. Ông đã miêu tả một trạng thái tương tư rất “chân quê”:

*“Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông*

*Một người chín nhớ mười mong một người*

*Gió mưa là bệnh của giời*

*Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng”*

*(Tương tư)*

Không còn là trạng thái tình cảm bình thường trong yêu đương mà như đã trở thành một căn bệnh, một căn bệnh không chết người nhưng không kém phần xót xa, đau đớn về tinh thần. Nguyễn Bính vẫn hay vận dụng lối diễn đạt từ xa đến gần, từ gián tiếp đến trực tiếp rất quen thuộc trong văn học dân gian. Trong thơ ông, thôn Đoài và thôn Đông như hai biểu tượng, hai địa danh tượng trưng mà gần gũi. Thi sĩ đã thực sự đã “đánh thức người nhà quê ẩn náu trong lòng ta” (Hoài Thanh).Tình yêu chốn thôn quê có cái chân chất mộc mạc của hương đồng gió nội:

*“Nhà nàng ở cạnh nhà tôi*

*Cách nhau cái giậu mồng tơi xanh rờn…”*

Đọc câu thơ trên ta thấy như sống dậy hình ảnh đôi trai gái ngày xưa trong những câu ca dao:

*“Gần nhà mà chẳng sang chơi*

*Để anh ngắt ngọn mồng tơi làm cầu”*

*(Ca dao)*

Cũng ý tình ấy, cũng cách nói ấy sao xuất hiện trong thơ ông lại thi vị đến thế! Ông đã khai thác một đề tài không mới, thậm chí đã trở thành mô típ quen thuộc trong các câu ca dao. Thế nhưng, tình yêu trong thơ ông không phải là thứ tình yêu e ngại, rụt rè mà có phần cháy bỏng của đôi trai gái chốn thôn quê tuy bị ràng buộc trong nếp sống cổ xưa nhưng vẫn khát khao có được hạnh phúc lứa đôi. Chắc hẳn thi sĩ đã đưa vào cả tiếng nói trái tim của mình để từng câu thơ hiện lên mang sắc thái rất riêng, rất mới. Văn học là lĩnh vực của cái độc đáo. Mỗi người nghệ sĩ nói như Tuốc-ghê-nhép phải có “tiếng nói của riêng mình để tạo nên những tác phẩm mới, lạ, kích thích sự tò mò “giải mã” của người đọc. “Công việc của nhà văn là phát hiện ra cái đẹp ở chỗ không ai ngờ tới, tìm cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật, để cho người đọc một bài học trông nhìn và thưởng thức” (Thạch Lam). Phải chăng cái tôi Nguyễn Bính mang đến cho Thơ mới là một cái tôi vừa cổ điển vừa hiện đại?!

2,2 Nguyễn Bính vừa cổ điển vừa hiện đại trong hình thức nghệ thuật:

a)Thể thơ lục bát:

Thơ Nguyễn Bính sẽ còn neo đậu mãi trong tâm hồn mỗi người Việt Nam không chỉ ở đề tài sáng tác mà còn bởi thi nhân đã có những khám phá độc đáo về nghệ thuật biểu hiện, đã tìm được con đường riêng của mình. Đến với thơ Nguyễn Bính là đến với những hình thức dân gian, đến với những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Ông là người của cảnh quê, hồn quê nên việc thi nhân sử dụng rất nhuần nhuyễn, điêu luyện thể thơ lục bát thuần Việt là điều tất yếu. Nếu lục bát ca dao mang vẻ tươi thắm của chất trữ tình đồng quê, nếu lục bát “Truyện Kiều” rất mềm mại, uyển chuyển thì những bài thơ lục bát của Nguyễn Bính như “Lỡ bước sang ngang”, ” Chân quê”, “Người hàng xóm”, “Tương tư”, “Đêm cuối cùng”, “Chờ nhau”, “Giấc mơ anh lái đò”, v.v… vừa thanh thoát, gợi cảm, vừa trau chuốt, điêu luyện. Không khó tìm gặp chất liệu ca dao trong thơ lục bát Nguyễn Bính. Nếu ca dao có câu

“Em về dọn quán bán hàng

Để anh là khách qua đàng trú chân”

thì tình ý ấy tái xuất trong bài “Em với anh” của Nguyễn Bính:

“Lòng em là quán bán hàng

Dừng chân cho khách qua đàng mà thôi”

Vâng! Cũng như thơ lục bát dân gian, âm điệu chung của thơ Nguyễn Bính là buồn. Hồn thơ Nguyễn Bính thấm đẫm nỗi buồn người dân quê ngàn đời nên trong các bài thơ của ông trước Cách mạng, số bài thuần vui thực ít ỏi. Bất cứ nói đến điều gì, thơ Nguyễn Bính cũng phảng phất giọng điệu buồn, buồn vì yêu, buồn vì tha hương, buồn vì cuộc đời dâu bể… Đặc biệt, thi sĩ đã phát huy cao độ sự phù hợp giữa đặc trưng của thể lục bát là uyển chuyển, mềm mại, giàu nhạc điệu với phong cách thơ của mình là mộc mạc, đằm thắm, dịu dàng. Ông thường dùng cách ngắt nhịp 2/2 truyền thống; cách ngắt nhịp này tạo âm hưởng trầm buồn tha thiết:

“Mẹ già / một nắng / hai sương

Chị đi/ một bước / trăm đường / xót xa”

(Lỡ bước sang ngang)

Nói về sự tiếp nối truyền thống “cái tôi cổ điển” của Nguyễn Bính, còn thấy thơ ông tiếp nhận nghệ thuật thơ Nôm (nhất là Truyện Kiều) khá rõ, mà rõ nhất là qua hai tác phẩm “Cây đàn tỳ bà” và “Lỡ bước sang ngang”. Với trên một ngàn câu lục bát, câu chuyện thơ “Cây đàn tỳ bà” vừa có cái tinh tế, ý nhị của ca dao, lại vừa có cái chất trữ tình, uyên bác của thơ Nguyễn Du. Bút pháp của Nguyễn Bính trong việc tả tình, tả cảnh, tả người, tả tiếng đàn phảng phất nét tài hoa của Nguyễn Du trong “Truyện Kiều”. Hình ảnh Triệu Ngũ nương ôm cây đàn tỳ bà ra đi không bao giờ trở lại đã gây cho người đọc cảm xúc mạnh mẽ trước cuộc đời của một người đàn bà tài hoa, rất mực thủy chung, hiếu thảo mà bị phụ bạc, chịu bao nỗi đau nhân tình. Hình ảnh đó gợi liên tưởng tới cuộc đời của nàng Kiều, của những người con gái bạc phận trong xã hội cũ:

*“Nàng đi trong bóng chiều mờ*

*Nàng đi trong tiếng chuông chùa ngân nga*

*Nàng đi với chiếc tỳ bà*

*Nước non thôi hết ai là tri âm*

*Nàng đi từng bước âm thầm*

*Đầu xanh tóc ngắn áo chàm màu tang*

*Nàng đi hạc nội mây ngàn*

*Bóng đêm vùi lấp bóng nàng rồi thôi…”*

Âm vang của “Truyện Kiều” và các truyện Nôm khác đã cộng hưởng với “Lỡ bước sang ngang” rất rõ nét trong từng chi tiết thơ và nghệ thuật biểu đạt cảm xúc của ngòi bút thơ Nguyễn Bính. Đây cũng lại là một thi phẩm tiềm chứa chất nhân văn sâu sắc khi viết về cuộc đời những người phụ nữ giữa “mười hai bến nước” và bi kịch cuộc đời của chính tác giả trong xã hội cũ. Nỗi lòng của người con gái khi xuống đò sang sông với những lời nhắn gửi cho đứa em thơ dại cũng giống như cái nức nở, xót xa của nàng Kiều đêm trao duyên: “Cậy em em có chịu lời...”. Điệp từ “mười năm” được thi nhân sử dụng tới bốn lần trong một đoạn thơ ngắn bộc lộ nỗi niềm khổ đau, cay đắng của người con gái trong những năm trời trầm luân:

*“Mười năm gối hận bên giường*

*Mười năm nước mắt bữa thường thay canh*

*Mười năm đưa đám một mình*

*Đào sâu chôn chặt mối tình đầu tiên*

*Mười năm lòng lạnh như tiền*

*Tim đi hết máu cái duyên không về…”*

Dường như đó cũng là cái cảm giác ta bắt gặp khi Nguyễn Du miêu tả nỗi buồn thương lạc loài của Kiều lúc hoài vọng quê hương*:*

*“Buồn trông cửa bể chiều hôm  
 Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa  
 Buồn trông ngọn nước mới sa Hoa trôi man mác biết là về đâu   
 Buồn trông nội cỏ rầu rầu  
 Chân mây mặt đất một màu xanh xanh  
 Buồn trông gió cuốn mặt duềnh  
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”*

*(Kiều ở lầu Ngưng Bích)*

Chẳng phải đó là nét cổ điển trong thơ Nguyễn Bính hay sao? Chẳng phải thi sĩ đã tìm về những giá trị truyền thống dân tộc giữa một xã hội đô thị hóa đó hay sao? Nói như Hòa Thanh trong thi nhân Việt Nam: “ông chỉ không quên người nhà quê trong mình chứ có công đi tìm người nhà quê ấy”. Chất “chân quê” đã thấm vào máu thịt nhà thơ trở thành một phong cách mới lạ trên thi đàn. “Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp được những người biết đào sâu, biết tìm tòi. Khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những cái gì chưa có” (Nam Cao). Phải chăng Nguyễn Bính đã làm được điều kì diệu ấy? Trong quá trình tiếp thu, kế thừa tinh hoa của thể thơ dân tộc với những tìm tòi, sáng tạo, nâng cao, thi sĩ đã không chỉ biến thể thơ lục bát thành thể thơ sở trường của mình mà còn mở rộng khả năng biểu hiện của một thể thơ vốn có những chuẩn mực chặt chẽ về nghệ thuật và từ đó góp phần làm xuất hiện một loại hình lục bát mới, đó là thơ lục bát hiện đại. Bàn về đặc trưng này trong sáng tác của Nguyễn Bính, Đoàn Thị Đặng Hương nhận xét: “Những bài thơ lục bát của ông thường có một thi pháp riêng hết sức độc đáo… Có thể nói ông là một trong những nhà thơ cách tân lớn của thể thơ này cả về nội dung và hình thức”. Nguyễn Bính đã mang thi pháp của thơ ca dân gian vào trong thơ hiện đại, khiến cho nhiều bài thơ lục bát của ông có cấu trúc thơ đa nghĩa lại dựa trên thi pháp mang tính giản dị, cụ thể của thơ dân gian. Bài “Chờ nhau” là một minh họa cụ thể. Tình ý bài thơ được tạo dựng giữa không gian nghệ thuật tràn ngập không khí của đời sống dân dã thôn quê, đó là cái tình láng giềng của anh và em bởi cùng ở một làng, cùng đi một ngõ, cùng đang ở vào cái buổi đầu hẹn hò, mong đợi… Thời gian nghệ thuật được sử dụng để miêu tả, để hai người hẹn ước cũng được đo đếm bằng thời gian ước lệ dân gian: buổi tối vừa chợt đến vì láng giềng chưa đỏ đèn, hẹn hò chờ đợi cũng chừng giập bã giầu… Điều đặc biệt làm nên cấu trúc thơ đa nghĩa hiện đại của bài thơ là ở hai câu cuối – một cặp lục bát được phân hẳn ra thành một khổ, kết thúc bài thơ:

*“Ai làm cả gió đắt cau*

*Mấy hôm sương muối cho giầu đổ non”.*

Quả là một sự tạo tác nghệ thuật vừa mang tính sáng tạo vừa bộc lộ sự sắc sảo của một cây bút thạo nghề! Nguyễn Bính đi ra từ ca dao, dân ca để hòa nhập vào dòng Thơ mới lãng mạn. Trên hành trình thơ đó, những biểu hiện cách tân là động lực, là yếu tố vừa để khẳng định bản sắc mang tính truyền thống của thơ ông, lại vừa là những biểu hiện của tính chất hiện đại trong một tâm hồn thơ mang tinh thần thời đại. Phải chăng chính vì lí do đó Vũ Ngọc Phan đã khẳng định: “ Người ta có thể kể những thi sĩ dùng lời thật cũ, thỉnh thoảng điểm một vài ý thật mới như Đái Đức Tuấn, Nguyễn Bính”?! Phải chăng thơ Nguyễn Bính vừa mang vẻ đẹp cổ điển vừa mang vẻ đẹp hiện đại?!

b)Ngôn ngữ, hình ảnh thơ:

Về việc sử dụng hình ảnh, Nguyễn Bính không phải là nhà thơ gây ấn tượng đối với người đọc bằng những hình ảnh mới lạ như những nhà Thơ Mới khác như Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên. Thơ ông là sự trở về với những hình ảnh gần gũi quen thuộc trong ca dao, với những bờ tre, gốc lúa, mảnh vườn, con đò, bến nước, nương dâu. Nhưng điều đáng chú ý là Nguyễn Bính sử dụng hình ảnh chất liệu dân dã của ca dao nhưng ông đã thổi vào đó cái hồn của Thơ Mới. Hình ảnh quen thuộc nhưng cách sắp xếp, diễn tả của tác giả rất mới mẻ. Cũng hình ảnh ao bèo, giầu không, giếng thơi thường thấy trong ca dao nhưng Nguyễn Bính đã dựng lên một không gian trống vắng, không có bóng dáng con người mà đầy ắp tâm trạng:

*“ Lợn không nuôi đặc ao bèo*

*Giầu không dây chẳng buồn leo vào giàn*

*Giếng thơi mưa ngập nước tràn*

*Ba gian đầycả ba gian nắng chiều”*

*( Qua nhà )*

Đó là tâm trạng buồn, trống rỗng của kẻ đang thất vọng trong tình yêu. Cảnh ấy, tình ấy không thể tìm thấy trong ca dao. Đặc biệt hình ảnh dòng sông, con thuyền đi vào thơ Nguyễn Bính cũng có sự khác biệt so với ca dao. Cánh buồm hư ảo xuất hiện trong thơ ông như một sự mở rộng đến cao độ. Một cánh buồm mở rộng cả không gian, thời gian và chất chứa tâm trạng của sự chia xa:

*“ Anh đi đấy, anh về đâu ?*

*Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu, cánh buồm…”*

*( Cánh buồm nâu )*

Phải chăng chính vì lí do đó Mã Giang Lân khẳng định thơ Nguyễn Bính “giống ca dao nhưng cũng khác ca dao”? Thi sĩ đã đi khai thác những hình ảnh tưởng chừng quen thuộc với “những người dân chân lấm tay bùn” nhưng nó lại hiện lên một vẻ đẹp mới, rất cổ điển nhưng cũng rất hiện đại. Thật đúng khi có ý kiến cho rằng Nguyễn Bính là người lái đò qua lại giữa hai bờ sông nông thôn và thành thị trên khúc sông của buổi giao thời: “Bỏ lại vườn cam bỏ mái gianh. Tôi đi dan díu với kinh thành” (Hoa với rượu). Kể cả ngôn ngữ trong thơ ông cũng rất đặc biệt “không Tàu cũng không Tây” mà mang một “cái tôi cá thể”.Vâng! Sáng tác văn học là một công việc khó khăn. Nhà văn cần “tạo ra những hình ảnh mới, những chữ mới, những bố cục mới để phản ánh cái mình thấy thực, ý nghĩ mình thực không vay mượn” của bất kì ai và sự tiếp xúc với người khác chỉ là điều kiện soi chiếu để mình tìm ra một lối đi riêng, không lẫn vào con đường họ đã đi. Nguyễn Bính cũng thế! Ông tiếp xúc với cả hai nền văn hóa thôn quê và đô thị thực chất là để khẳng định bản sắc cá nhân. Chỉ một chữ “nhuộm” ta đã thấy được phong cách độc đáo của thi sĩ:

*“Ngày qua ngày lại qua ngày*

*Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng”*

*(Tương Tư)*

Nói về sự biến đổi sắc màu trên cây cỏ, không ít nhà thơ đã đề cập đến. Ngày trước Nguyễn Du từng có câu:

*“Người lên ngựa kẻ chia bào*

*Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san”*

*(Truyện Kiều)*

Sau này, Tố Hữu cũng có những câu tinh:

*“Ve kêu rừng phách đổ vàng*

*Nhớ cô em gái hái măng một mình”*

*(Việt Bắc)*

Gần nhau đến thế mà mỗi chữ vẫn mang một sắc thái riêng, một vẻ thần tình riêng. “Nhuốm” mới bắt đầu, đang diễn ra. Đổ lại nhấn mạnh sắc thái mau lẹ, gấp rút. Cả hai từ đều rất động. Nguyễn Bính không lặp lại sự biến màu trên! Chữ “nhuộm” của ông có vẻ tĩnh hơn, gợi được cả thời gian. Quá trình biến đổi đã hoàn tất: lá xanh đã biến hẳn thành vàng rồi! Khoảng thời gian ấy sao mà trôi dài vô tận! Thật sự thi sĩ đã mang đến cho người đọc một cảm quan mới lạ. Văn học là một loại hình xây dựng bằng chất liệu là ngôn từ. Ngôn ngữ có hay mới tạo nên những tác phẩm đặc sắc ghi dấu ấn trong lòng người đọc. Nói như Nguyễn Tuân “giàu ngôn ngữ thì văn sẽ hay”…Nguyễn Bính không dùng chữ trừu tượng hay cầu kì để viết nên những dòng thơ để đời, ông cũng không dùng những triết lí cao siêu để nói lên những điều hiển nhiên trong cuộc sống, thứ ngôn ngữ ông dùng là thứ ngôn ngữ dung dị, gần gũi nhưng qua bàn tay tài hoa của thi sĩ nó lại trở nên đẹp đến thế! Suy cho cùng, hồn thơ vừa cổ điển vừa hiện đại đã khẳng định vị thế của Nguyễn Bính trong một trào lưu thơ ca đã trở thành dấu ấn của một thời đại.

III/KẾT THÚC VẤN ĐỀ:

Đời cầm bút của bất kì một nghệ sĩ nào cũng đều đi theo một lí tưởng thẩm mĩ riêng. Nguyễn bính cũng vậy, lí tưởng thẩm mĩ của ông là tiếp thu cái mới nhưng không hề lãng quên cái cũ. Phải chẳng chính điều ấy đã làm nên nét cổ điển và hiện đại trong thơ ông? Sao chúng tôi cứ muốn đi tìm lại những nơi nào còn neo đậu hồn thơ Nguyễn Bính. Trong cuộc đời hiện đại, cuộc đời của nền văn hóa phương Tây, bóng dáng con đò một thuở đón đưa, những con sông hát hội nay không còn nữa, nhưng NB vẫn giữ mãi nét quê thuần hậu ấy. Thế nhưng điều này cũng không có nghĩa là thơ ông không hiện đại. Tuy không quá Tây như thơ Xuân Diệu, không quá điên cuồng như thơ Hàn Mặc Tử nhưng nét hiện đại của Nguyễn Bính vẫn mang đến cho ta một cảm giác mới mẻ, lạ lẫm. Bởi lẽ, đã một thời hoa niên,Nguyễn Bính từng " ra đi dan díu với kinh thành", cuộc sống nơi đô hội cũng thổi một làn nương thơm mới vào tâm hồn vốn đã đầy hương đồng cỏ nội của ông. Điều ấy lí giải vì sao nhữn tác phẩm của NB vẫn tồn tại mãi đến muôn đời. Khi tìm đến với tác phẩm văn học, người đọc như bước chân vào cuộc hành trình mải miết. Sự rong ruổi trên chặng đường đi tìm những cái đích giá trị dươngf như vẫn trải dài và thăm thẳm. Ở đó, bức thông điệp của nhà thơ như những bức thư tình conf phong kín, chờ đợi gió nơi đâu... phải chăng, bạn đọc ta chính là những cơn gió vô tình mở bức phong thư của Nguyễn Bính, để rồi yêu thiết tha nét cổ điển và hiện đại trong hồn thơ của thi nhân?

**ĐỀ: Vẻ đẹp “chân quê” trong bài thơ Tương tư** **của Nguyên Bính.**

**GỢI Ý LÀM BÀI**

I. Giới thiệu tác giả

Đã là thi sĩ của yêu thương, ngoài đời **Nguyễn Bính** hẳn phải nhiều lần tương tư mới đúng. Nhưng lần này, “tương tư” trở thành một thi phẩm độc đáo, nó là thơ hiện đại – Thơ mới, nhưng vẫn đậm chất “chân quê”, làm nên một phong cách tài hoa mà giản dị, một tiếng nói của “thôn dân” (Đỗ Lai Thúy) vừa hiện đại, tinh tế mà cũng rất mực chân thành, thẫm đẫm hồn quê!

II. Vẻ đẹp chân quê trong nội dung bài thơ

Viết về tình yêu được xem là đề tài “tủ” của Thơ mới. Có tình yêu tan vỡ, có tình yêu vừa chớm nở… với không biết bao sắc màu đầy biến hóa trong tình trường xưa nay. **Nguyễn Bính** viết Tương tư và xem đó như là một “bệnh” của riêng cái tôi trữ tình trong giờ phút ấy:

*Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông*

*Một người chín nhớ mười mong một người.*

Mượn thôn làng để ẩn mình trong đó là cách quen thuộc của ca dao, khi mà “cái tôi” phải nhập vào cộng đồng mới có thể yên vị! Cái điều muôn giãi bày là ở chuyện người nhớ kia: chín nhớ mười mong là một Ihành ngữ được dặt giữa câu thơ, hai đầu còn lại là một người và còn lại bên kia nữa, vẫn một người. Như vậy là có khoảng cách không gian (và cả thời gian?) để đo dếm. Nhớ và mong là biểu hiện của tương tư? Khác rất xa với Anh trong Tương tư, chiều của Xuân Diệu.

Cách lây trời đất ra để thề thốt, hoặc đế trách cứ, hoặc là so sánh vốn của ca dao (“Sợ mẹ bằng đất, sợ cha bằng trời… “Thấy anh như thấy mặt trời…”, “Núi che mặt trời không thấy người thương”…). Nguyễn Bính cũng mượn, nhưng mượn “bệnh của giời” để so với “bệnh của tôi” thì to gan quá, chỉ có thể có ở một nhà thơ hiện đại thôi. Tuy nhiên, “cái tôi” của **Nguyễn Bính** không lộ rõ như Xuân Diệu và nhiều nhà thơ khác, họ nghênh ngang hơn. họ gạo mạn hơn nhiều. Nguyễn Bính có so sánh như vậy cũng chỉ vì cớ khép người ta nghe minh cho thuận lòng trời thôi! vẫn chân quê là chỗ ấy.

Kể lể và giãi bày là cách quen thuộc của ca dao được nhà thơ triệt để sử dụng. Nó phù hợp với tâm trạng nhớ nhung của kẻ tương tư. Đi qua cả giãi bày là hờn trách, kiêm cớ mà trách hờn cho khéo: Vì hai thôn mà thật ra là một làng, vì ngỡ không gần nhưng có xa gì đâu! Chẳng dò ngang, chẳng còn cơn cớ để xa mặt cách lòng được nữa. Lối nói vông vo khéo léo ấy cũng nhuốm màu sắc của ca dao như “Hôm qua tát nước đầu đình”, khiến người nghe hờn trách mà vẫn dễ chấp nhận, vẫn thương yêu. Và, quan Irọng hơn là … lại nhớ hơn, bồi hồi khắc khoải, bâng khuâng … nghĩa là “trúng” vào cái “bay” của người than văn kia tự bao giờ! Tài hoa của Nguyễn Bính là ở chỗ ấy. Có sắp đặt bài bản mà vẫn như vô hình, như vô lí; hay là dùng cái vô lí, vô lí để nói cho được cái hữu duyên?

Khát khao cháy bỏng được cất lên:

Bao giờ bển mới gặp dò ?

Hoa khuê các, bướm giang hồ gặp nhau?

Đây là hai câu thơ hiện đại nhất trong bài thơ. Iỉình ảnh bến và đò thì không lạ, nhưng hoa uà bướm thì đã có phần mới mẻ. Nó có chất thị thành, có ánh sáng của “đèn điện” chứ không phái là “nến sáp”. Chưa kểđến chuyện ao ước ngược đời, vô lí: bến gặp dò mà không phải đò gặp bến, hoa đi tìm bướm chứ không phải thuận lẽ xưa nay!

Nhưng, dù sao, sự “vô lí” vẫn được chấp nhận vì nằm trong toàn bộ hệ :hống “lí lẽ” của kẻ tương tư suốt chiều dọc của bài thơ. Vì “tương tư’ mà, với tám trạng “bồi hồi” lạ lùng nên mới thế! Nào ai trách cứ gì những kẻ tương tư.

Cuối cùng, bài thơ vẫn “chân quê” ở cái Unh người, tinh thơ.

Chất chân quê ấy của Tương tư thể hiện ờ nội dung tình cảm sâu sác của bài thơ: Mặc dù viết về tình yêu nhưng không sầu mộng; viết về nhớ nhung nhưng không tuyệt vọng, tỏ tình có vé đơn phương nhưng vẫn tin vào duyên cau – trầu như một quy luật hợp lòng trời và nhất là hợp với truyền thống văn hóa thôn làng bền vững xưa nay “Hai thôn chung lại một làng”. Tất cá đều đã có, trầu cau dã sẵn, còn chờ gì nữa, nhi? Tình yêu ớ dây gắn liền với khao khát hạnh phúc, với hôn nhân đôi lứa, rất gần với tình trong ca dao xưa.

**Vẻ đẹp chân quê trong hình thức nghệ thuật**

Vẻ đẹp “chân quê” trong bài thơ này không chỉ ớ cách sử dụng thể loại lục bát dân tộc cùng những hình ảnh quen thuộc, biện pháp so sánh truyền thống, mà còn cả ở cách kết cấu “có hậu” này nữa ở phần cuối của bài thơ:

*Nhà em có một giàn giầu,*

*Nhà anh có một hàng cau liên phông.*

*Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông,*

*Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào?*

Hàng loạt những “cặp đôi” xuất hiện ngay từ đầu bài thơ, đến đoạn cuối này, lặp lại với một mức đậm đặc hơn: thôn Đoài thôn Đông, nhà em nhà anh, giàn giầu – hàng cau.

Lối nói bóng gió nhưng rất tinh tế, nên cũng khá rõ ràng, mạch lạc. Tương tư, hờn trách, ước mong., để tỏ tinh. Các bước tuần tự như vậy ta cũng thường bắt gặp trong một số bài ca dao tỏ tình cAnh làm thợ mộc Thanh Hoa, Đêm qua tát nước dầu đình…). Nguyễn Bính sáng tạo hơn, in dấu ấn hiện đại hơn, nhưng nét đẹp “chân quê”, hồn quẽ vẫn vương vấn trong hồn vía của bài thơ. Trong khi không ít thi sĩ cúng thời, dù ít nhiều vẫn in dấu ân của một số nhà thơ Tây phương, thì Nguyễn Bính vẫn thủy chung với thơ dân gian truyền thống. Vẩn hiện dại khi “thôn dân” Nguyền Bính có “gian díu với kinh thành” đôi ba lần, song cốt cách thơ của ông, vẫn “giữ cháu quê”, thật duyên dáng và hấp dẩn.

Lấy không gian quê làm không gian tỏ tình, cảnh sắc rất gần gũi với những miền quê Bắc Bộ, con dò, hàng cau, mái đình, bến nước… Bài thơ phảng phất không gian vừa lãng mạn, vừa bình dị, quen thuộc.

Hồn quê còn được thể hiệnớ hầu hết mọi yếu tố của bài thơ, kể cả ngôn từ, thứ ngôn từ mộc mạc, khiêm nhường, kín đáo, hình ảnh đến giọng điệu trữ tình vừa kê lể, than trách, vừa giãi bày tha thiết…

Tổng kết

Chân qué được xem là một nét đặc biệt tạo nôn hồn thơ Nguyỗn Bính. Trong khi các nhà thơ mới hướng ngoại, thậm chí là vọng ngoại, mới thấy Nguyễn Bính có duyên gắn bó với văn hóa dân gian tài hoa đến mức nào. Sẽ chẳng bao giờ mất được “hồn quê” hay chất “chán quê” trong mỗi người Việt, dù xã hội có “đô thị hóa” đến đâu, trong sâu thẳm của tiếng nói tâm hồn, vẫn vọng về hồn quê từ cõi lòng **Nguyễn Bính!**

**Thơ lục bát Nguyễn Bính - truyền thống và cách tânTRẦN VĂN TRỌNG**

Thơ Nguyễn Bính sẽ còn neo đậu mãi trong tâm hồn mỗi người Việt Nam bởi thi nhân đã có những khám phá độc đáo về nghệ thuật biểu hiện, đã tìm được con đường riêng của mình. Đến với thơ Nguyễn Bính là đến với những hình thức dân gian, đến với những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Nguyễn Bính là người của cảnh quê, hồn quê nên việc thi nhân sử dụng rất nhuần nhuyễn, điêu luyện thể thơ lục bát thuần Việt là điều tất yếu. Nếu lục bát ca dao mang vẻ tươi thắm của chất trữ tình đồng quê, nếu lục bát Truyện Kiều rất mềm mại, uyển chuyển thì những bài thơ lục bát của Nguyễn Bính như Lỡ bước sang ngang, Chân quê, Người hàng xóm, Tương tư, Đêm cuối cùng, Chờ nhau, Giấc mơ anh lái đò, v.v… vừa thanh thoát, gợi cảm, vừa trau chuốt, điêu luyện. Trong những sáng tác thi ca của Nguyễn Bính trước Cách mạng, thể lục bát chiếm non nửa số lượng.

Không khó tìm gặp chất liệu ca dao trong thơ lục bát Nguyễn Bính. Nếu ca dao có câu Em về dọn quán bán hàng - Để anh là khách qua đàng trú chân, thì tình ý ấy tái xuất trong bài Em với anh của Nguyễn Bính: Lòng em là quán bán hàng - Dừng chân cho khách qua đàng mà thôi. Hay hình ảnh con đò và bến nước là những ẩn dụ quen thuộc trong ca dao về tình yêu xưa cũng được Nguyễn Bính sử dụng để khơi dậy trong người đọc những cảm xúc và trường liên tưởng mới mẻ: Bao giờ bến mới gặp đò - Hoa khuê các, bướm giang hồ gặp nhau? (Tương tư).

Thơ Nguyễn Bính mang giọng kể lể, tâm sự của thơ ca dân gian. Từ xa xưa, dù yêu thương hay căm ghét, những con người của đồng quê đều mạnh dạn bày tỏ, phơi trải lòng mình công khai, điều đó gợi cảm giác gần gũi, tin cậy giữa người kể và người nghe. Nhiều bài thơ của Nguyễn Bính như những câu chuyện nhỏ, những kỉ niệm thú vị và hấp dẫn, những nỗi đắng đót buồn thương day dứt, trong đó giọng kể chuyện rõ nhất là ở các bài Lỡ bước sang ngang, Cô gái vườn Thanh, Xây hồ bán nguyệt… Dù nói về mình hay thác lời cho bao số phận khác, hình như bao giờ Nguyễn Bính cũng muốn thanh minh, lí giải đặng biện hộ cho những tình cảm phức tạp, tốt đẹp của con người mà không phải ai cũng thấu tỏ.

Cũng như thơ lục bát dân gian, âm điệu chung của thơ Nguyễn Bính là buồn. Hồn thơ Nguyễn Bính thấm đẫm nỗi buồn người dân quê ngàn đời cho nên trong các bài thơ của ông trước Cách mạng, số bài thuần vui thực ít ỏi. Bất cứ nói đến điều gì, thơ Nguyễn Bính cũng phảng phất giọng điệu buồn, buồn vì tình yêu, buồn vì tha hương, buồn vì cuộc đời dâu bể… Đặc biệt, Nguyễn Bính đã phát huy cao độ sự phù hợp giữa đặc trưng của thể lục bát là uyển chuyển, mềm mại, giàu nhạc điệu với phong cách thơ của mình là mộc mạc, đằm thắm, dịu dàng. Nhà thơ thường dùng cách ngắt nhịp 2/2 truyền thống; cách ngắt nhịp này tạo âm hưởng trầm buồn tha thiết: Mẹ già / một nắng / hai sương - Chị đi/ một bước / trăm đường / xót xa (Lỡ bước sang ngang). Nguyễn Bính cũng chú ý sử dụng những tiểu đối theo kiểu lục bát cổ (đối vế nọ với vế kia) để tăng sức gợi tả gợi cảm: Đèo cao cho suối ngập ngừng - Nắng thoai thoải nắng / chiều lưng lửng chiều (Đường rừng chiều). Nghệ thuật đối cách cú lại làm nên hiệu quả độc đáo khi nó trở thành lời trách cứ của chàng trai đang nồng nàn tình cảm yêu đương mà bị hững hờ nhạt nhẽo ở những bài thơ Tình tôi, Hai lòng…

Nguyễn Bính đã phát huy được cái tinh hoa của lục bát truyền thống là hiệp vần nhất loạt vào chữ thứ sáu của câu bát, chứ không gieo vần vào chữ thứ tư của câu này bởi kiểu gieo vần ấy có phần nặng nề và thô (Từ ngày Tự Đức lên ngôi - Cơm chẳng đầy nồi, trẻ khóc như ri). Cách gieo vần ở chữ thứ sáu câu bát của Nguyễn Bính rất chuẩn mực, tinh tế: Lòng tôi rối những tơ đàn - Cao vời những ước, đầy tràn những mơ (Tình tôi); Một ngàn năm, một vạn năm - Con tằm vẫn kiếp con tằm vương tơ (Dòng dư lệ)…

Nói về sự tiếp nối truyền thống, còn thấy thơ Nguyễn Bính tiếp nhận nghệ thuật thơ Nôm (nhất là Truyện Kiều) khá rõ, mà rõ nhất là qua hai tác phẩm Cây đàn tỳ bà và Lỡ bước sang ngang. Với trên một ngàn câu lục bát, câu chuyện thơ Cây đàn tỳ bà vừa có cái tinh tế, ý nhị của ca dao, lại vừa có cái chất trữ tình, uyên bác của thơ Nguyễn Du. Bút pháp của Nguyễn Bính trong việc tả tình, tả cảnh, tả người, tả tiếng đàn phảng phất nét tài hoa của Nguyễn Du trong Truyện Kiều. Hình ảnh Triệu Ngũ nương ôm cây đàn tỳ bà ra đi không bao giờ trở lại đã gây cho người đọc cảm xúc mạnh mẽ trước cuộc đời của một người đàn bà tài hoa, rất mực thủy chung, hiếu thảo mà bị phụ bạc, chịu bao nỗi đau nhân tình. Hình ảnh đó gợi liên tưởng tới cuộc đời của nàng Kiều, của những người con gái bạc phận trong xã hội cũ: Nàng đi trong bóng chiều mờ - Nàng đi trong tiếng chuông chùa ngân nga - Nàng đi với chiếc tỳ bà - Nước non thôi hết ai là tri âm - Nàng đi từng bước âm thầm - Đầu xanh tóc ngắn áo chàm màu tang - Nàng đi hạc nội mây ngàn - Bóng đêm vùi lấp bóng nàng rồi thôi…

Âm vang của Truyện Kiều và các truyện Nôm khác cộng hưởng với Lỡ bước sang ngang rất rõ nét trong từng chi tiết thơ và nghệ thuật biểu đạt cảm xúc của ngòi bút thơ Nguyễn Bính. Đây cũng lại là một thi phẩm tiềm chứa chất nhân văn sâu sắc khi viết về cuộc đời những người phụ nữ giữa “mười hai bến nước” và bi kịch cuộc đời của chính tác giả trong xã hội cũ. Nỗi lòng của người con gái khi xuống đò sang sông với những lời nhắn gửi cho đứa em thơ dại cũng giống như cái nức nở, xót xa của nàng Kiều đêm trao duyên Cậy em em có chịu lời... Điệp từ mười năm được Nguyễn Bính sử dụng tới bốn lần trong một đoạn thơ ngắn bộc lộ nỗi niềm khổ đau, cay đắng của người con gái trong những năm trời trầm luân: Mười năm gối hận bên giường - Mười năm nước mắt bữa thường thay canh - Mười năm đưa đám một mình - Đào sâu chôn chặt mối tình đầu tiên - Mười năm lòng lạnh như tiền - Tim đi hết máu cái duyên không về… Dường như đó cũng là cái cảm giác ta bắt gặp khi Nguyễn Du miêu tả nỗi buồn thương lạc loài của Kiều lúc hoài vọng quê hương Buồn trông cửa bể chiều hôm…

Trong quá trình tiếp thu, kế thừa tinh hoa của thể thơ dân tộc với những tìm tòi, sáng tạo, nâng cao, Nguyễn Bính đã không chỉ biến thể thơ lục bát thành thể thơ sở trường của mình mà còn mở rộng khả năng biểu hiện của một thể thơ vốn có những chuẩn mực chặt chẽ về nghệ thuật và từ đó góp phần làm xuất hiện một loại hình lục bát mới, đó là thơ lục bát hiện đại. Bàn về đặc trưng này trong sáng tác của Nguyễn Bính, Đoàn Thị Đặng Hương nhận xét: Những bài thơ lục bát của ông thường có một thi pháp riêng hết sức độc đáo… Có thể nói ông là một trong những nhà thơ cách tân lớn của thể thơ này cả về nội dung và hình thức. Nguyễn Bính đã mang thi pháp của thơ ca dân gian vào trong thơ hiện đại, khiến cho nhiều bài thơ lục bát của ông có cấu trúc thơ đa nghĩa lại dựa trên thi pháp mang tính giản dị, cụ thể của thơ dân gian. Bài Chờ nhau là một minh họa cụ thể. Tình ý bài thơ được tạo dựng giữa không gian nghệ thuật tràn ngập không khí của đời sống dân dã thôn quê, đó là cái tình láng giềng của anh và em bởi cùng ở một làng, cùng đi một ngõ, cùng đang ở vào cái buổi đầu hẹn hò, mong đợi… Thời gian nghệ thuật được sử dụng để miêu tả, để hai người hẹn ước cũng được đo đếm bằng thời gian ước lệ dân gian: buổi tối vừa chợt đến vì láng giềng chưa đỏ đèn, hẹn hò chờ đợi cũng chừng giập bã giầu… Điều đặc biệt làm nên cấu trúc thơ đa nghĩa hiện đại của bài thơ là ở hai câu cuối - một cặp lục bát được phân hẳn ra thành một khổ, kết thúc bài thơ: Ai làm cả gió đắt cau - Mấy hôm sương muối cho giầu đổ non. Khi xuất hiện những mã ngôn ngữ của đời sống dân dã như cả gió đắt cau, sương muối, giầu đổ non thì bài thơ không chỉ là lời hẹn ước, sự chờ đợi - cái đẹp của tình yêu mới chớm nở, mà tinh thần chung của cả bài lại là cái lỡ làng, cái chết yểu đáng tiếc của một mối tình non tơ mới chỉ là chúng mình với nhau và láng giềng cũng mới chỉ mong manh phỏng đoán mơ hồ. Điều đặc biệt là hình ảnh giầu cau vốn là biểu tượng cho sự gắn kết hạnh phúc lứa đôi của ca dao nay được khai thác ở khía cạnh ngược lại: chỉ sự nghiệt ngã của hoàn cảnh, cái lỡ dở của duyên phận. Nét nghĩa đó khiến cho nội dung bài thơ hòa nhập được vào đề tài chung mang màu sắc thẩm mĩ của Thơ mới lãng mạn một cách khá rõ nét.

Điểm quyết định những thành công cơ bản trong quá trình cách tân nghệ thuật thơ lục bát nói riêng và thơ ca nói chung là việc nhà thơ đã không trở về với ca dao theo lối mô phỏng, viết những cái giống như ca dao mà quan trọng hơn là tìm được sự hòa hợp giữa hồn quê hương trong ca dao với những ý tưởng và tình cảm của cuộc đời mới (Hà Minh Đức). Bài thơ Anh về quê cũ là một bài thơ lục bát cỡ trung (nếu đặt trong hệ thống các bài thơ lục bát hiện đại của Nguyễn Bính). Sự mở rộng, kéo dài cấu trúc vốn mang tính chất ngắn gọn của lục bát trong ca dao cổ đã là một biểu hiện của bước tiến mới giữa những điểm mốc phát triển của thể lục bát trong thơ ca dân tộc (lục bát trong ca dao, lục bát của Nguyễn Du và lục bát hiện đại) của bài thơ. Bằng những sáng tạo nghệ thuật, tác giả đã dùng những yếu tố của thi pháp ca dao cổ để diễn đạt một nội dung mới: tâm sự của cái tôi trữ tình - cái tôi thi sĩ lãng mạn đa tình đa cảm, sau rất nhiều những biến trải ở đời là sự trở về nguồn cội không chỉ của tình cảm, đạo đức, nếp tục đời sống mà còn là cả sự gắn kết với quê hương đất nước của một tâm hồn thuần Việt. Bài thơ sử dụng rất nhiều mã ngôn ngữ của đời sống dân dã trong ca dao khi miêu tả cảnh sắc làng quê, miêu tả những rung động sâu xa của tâm hồn những người chân quê hồn hậu, khao khát một đời sống yên bình. Sau một chặng đường tha hương, viễn xứ đầy gian truân, phong trần, nếm trải bao khổ đau, lạc loài giữa quê người đắng khói, quê người cay men, đây là cái thảnh thơi thần tiên nơi quê nhà yêu dấu - một đời sống chan hòa giữa cảnh và người: Từ nay lại tắm ao đào - Rượu dâu nhà cất, thuốc lào nhà phơi. Một không gian thanh bình, trong trẻo, tươi tắn sắc màu: Quả lành trĩu ngọt từng cây - Sen đầy ao cá, cá đầy ao sen. Một thôn quê có bao niềm vui thú, mê say: Ăn gỏi cá, đánh cờ người - Thần tiên riêng một góc trời thôn Vân. Có thể nói, sự trở về với ca dao ở bài thơ trên và ở nhiều bài thơ lục bát khác không chỉ làm sống dậy cái đẹp của ca dao trong nguyên thể của nó mà còn là một phương thức để Nguyễn Bính biểu hiện những tình ý mới mẻ của xã hội đương thời. Vậy nên thơ ông giống ca dao và cũng khác ca dao (Mã Giang Lân). Sự khác biệt, sự sáng tạo, linh hoạt đó biểu hiện ở nghệ thuật hiệp vần, cách ngắt nhịp của mỗi cặp lục bát. Bên cạnh phần lớn những câu thơ ngắt nhịp theo mẫu phổ biến của thơ lục bát truyền thống - nhịp 2/2 - là những câu ngắt nhịp một cách linh hoạt, tạo được giá trị biểu cảm sâu sắc và góp phần nhấn mạnh ý chủ đạo của toàn bài thơ.

Nguyễn Bính đi ra từ ca dao, dân ca để hòa nhập vào dòng Thơ mới lãng mạn. Trên hành trình thơ đó, những biểu hiện cách tân là động lực, là yếu tố vừa để khẳng định bản sắc mang tính truyền thống của thơ ông, lại vừa là những biểu hiện của tính chất hiện đại trong một tâm hồn thơ mang tinh thần thời đại. Đây là lối nói tinh tế, kín đáo của chàng trai đang yêu trong khao khát chờ mong đến cồn cào mãnh liệt mà lại không dám thú nhận, ngay cả với lòng mình; cái lối ngắt nhịp độc đáo (2/1/5) ở câu bát đã là cả một nghệ thuật biểu đạt cảm xúc rất tài hoa của Nguyễn Bính: Cái gì như thể nhớ mong? - Nhớ nàng? / Không! / Quyết là không nhớ nàng (Người hàng xóm).

Lối ngắt nhịp linh hoạt và mới mẻ còn tạo nên nhiều câu lục bát độc đáo, đặc sắc, đó là nghệ thuật vận dụng lối thơ dân gian để diễn đạt nội dung hiện đại - cái bâng khuâng, hoang mang, vô định của lòng người: Anh đi đấy, anh về đâu - Cánh buồm nâu / cánh buồm nâu / cánh buồm… (Không đề). Đôi khi sự linh hoạt, sinh động trong nhịp thơ còn tạo nên cái âm hưởng khác lạ giữa một cặp lục bát với cả bài lục bát; ở câu bát cách ngắt nhịp 3/3/2 tạo sự xuất hiện đột ngột của tình huống: Dừng chân trước cửa nhà nàng - Thấy hoa vàng / với bướm vàng / hôn nhau (Dòng dư lệ). Để làm tăng sắc thái tự sự, sắc thái tự nhiên của đời sống, Nguyễn Bính tạo những cặp lục bát gần như không ngắt nhịp: Biết đâu rồi chả nói chòng: -“Làng mình khối đứa phải lòng mình đây!” (Qua nhà); Con đi luôn nhớ miền Nam - Ráng xây lực lượng vài năm lại về (Chung một lời thề).

Sự cách tân nghệ thuật còn xuyên thấm vào trong từng vế câu của một cặp lục bát. Giữa những câu thật mộc mạc, dân dã lại là những câu hiện đại đến bất ngờ, ví như: Bao giờ bến mới gặp đò - Hoa khuê các, bướm giang hồ gặp nhau (Tương tư); Vội vàng tôi ngửa bàn tay - Phải hồn em xuống nơi này cùng tôi (Trông sao); Cành dâu thấp, lá dâu cao - Lênh đênh bóng bướm trôi vào mắt em (Bóng bướm)…

Sự biến thái linh hoạt của nghệ thuật thơ lục bát hiện đại Nguyễn Bính còn là yếu tố làm nên những đặc sắc mà thơ truyền thống với yêu cầu khắt khe, khiên cưỡng của vần, luật và hình thức biểu hiện đã không có được. Bài thơ Một con sông lạnh tập trung nhiều nét nghệ thuật độc đáo, trước hết là ở cái cách dùng dấu gạch nối (-) ở câu lục, khiến cho ý diễn tả như những chắp nối, ngập ngừng, da diết: Đừng em - quên đấy - thôi nàng / Đất Hồ xa quá, nàng sang sao đành. Lại cũng ở câu lục, xuất hiện lối ngắt nhịp ngắn, gấp gáp, gợi cái khắc khoải, nao nức trong yêu đương của lòng người: Chưa say, em, đã say gì - Chúng tôi còn uống, còn nghe em đàn. Sau nữa là cách dùng câu lục làm câu kết cho toàn bài thơ, tạo nên cái kết thúc mà lại đầy gợi mở và có thể còn được triển khai, tiếp nối của mạch cảm xúc, cái bâng khuâng, tiếc nuối của tâm hồn yêu đương: Chén sầu đổ ướt tràng giang - Canh gà bên nớ, giằng sang bên này - Lạy giời đừng sáng đêm nay - Đò quên cập bến, tôi say suốt đời - Chiêu Quân lên ngựa mất rồi…

Nếu ta coi tế bào của một bài thơ lục bát là những cặp lục bát, thì bài thơ Cây bàng cuối thu với cấu trúc độc đáo mỗi khổ là một cặp lục bát và bài thơ Hoa cỏ may chỉ duy nhất có một cặp lục bát đã thực sự là những bài lục bát hiện đại mang dáng dấp khác lạ. Một sự tạo tác nghệ thuật vừa mang tính sáng tạo vừa bộc lộ sự sắc sảo của một cây bút thạo nghề.

Như vậy, riêng ở thể thơ lục bát hiện đại, với những sáng tạo độc đáo của mình, Nguyễn Bính đã mang đến cho thơ Việt Nam hiện đại một dáng vẻ mới, một sinh lực mới và một sự đa dạng mới không phủ nhận được. Cũng với những tìm tòi sáng tạo trên nhiều yếu tố ở phương diện nghệ thuật của thơ ca, Nguyễn Bính đã trở thành một nhành hoa trong vườn hoa cách tân của Thơ mới lãng mạn (Tô Hoài). Thành tựu ấy đã thực sự phản ánh quy luật vận động không ngừng của một cây bút thơ ca có phong cách để khẳng định vị thế của mình trong một trào lưu thơ ca đã trở thành dấu ấn của một thời đại

**“Nét cổ điển” - cái Tôi trong thơ Nguyễn Bính**

                Nếu Nguyễn Khuyến “nổi danh” ở văn học trung đại với cách nhìn, cảnh cảm về “làng cảnh Việt Nam” thì đến văn học hiện đại (*Thơ mới*) Nguyễn Bính xứng đáng được xem là “nghệ sĩ của đồng quê”, ông xuất hiện với phong cách riêng, độc đáo, không lặp lại. Cùng một số nhà thơ khác như Anh Thơ, Bàng Bá Lân, Đoàn Văn Cừ… Nguyễn Bính đã tạo nên một dòng thơ đồng quê mượt mà, trữ tình. Cách nhìn về cuộc đời và con người đã làm nên “cái tôi cổ điển” trong thơ của Nguyễn Bính khiến người đọc nhận thấy thơ ông ngập tràn hình ảnh chốn thôn quê, chất chứa những tình cảm chân thành, nồng ấm của người dân quê hồn hậu. Tất cả làm nên nét đẹp mà ta gọi là tình quê, chân quê, hồn quê...  
               Bằng trái tim và cảm xúc của mình, Nguyễn Bính đã thổi hồn cho những đứa con tinh thần trở thành một hiện tượng khá tiêu biểu và độc đáo trong phong trào Thơ mới. Đã có rất nhiều nhà nghiên cứu, nhà phê bình và lí luận văn học nghiên cứu về con người và thơ Nguyễn Bính. Ở đó, mỗi nhiều công trình đều đạt được những thành quả và giá trị nhất định. Nguyễn Bính sáng tác chủ yếu về đề tài làng quê nên những công trình nghiên cứu, những bài viết của các nhà nghiên cứu dù ở khía cạnh này hay khía cạnh khác, ít hay nhiều cũng đều đề cập tới cách nhìn cuộc đời và con người trong thơ Nguyễn Bính.  
               Hoài Thanh trong “Thi nhân Việt Nam” đã nhận định rằng: *“Nguyễn Bính vẫn còn giữ được bản chất nhà quê nhiều lắm. Và thơ Nguyễn Bính đã đánh thức người nhà quê vẫn ẩn náu trong lòng ta. Ta bỗng thấy vườn cau bụi chuối là hoàn cảnh tự nhiên của ta và những tính tình đơn giản của dân quê là những tính tình căn bản của ta”*[2, tr.371]. Như thế, chỉ với một câu nhận xét ngắn gọn mà Hoài Thanh đã làm bật lên được cái hồn thơ của Nguyễn Bính, của một “người nhà quê”. Cùng bàn, Vũ Quần Phương cũng viết: *“Nguyễn Bính ca ngợi vẻ đẹp chân quê hết mực… Ông miêu tả quê hương thật sắc xảo và tinh tế. Đẹp và trong sáng cả cảnh quê lẫn tình quê...”* [1, tr.236].  
               Trong thơ Nguyễn Bính, ta bắt gặp rất rất nhiều những hình ảnh vô cùng quen thuộc như hàng cau và giàn trầu, như dậu mùng tơi, ao muống vạt cần, hay những con đò, những bến bãi, những bờ sông với sắc cải nở vàng… Điều quan trọng là ông đã gửi vào thơ trọn cuộc sống, tâm hồn của mình, cho nên phong cảnh làng quê hằng ngày vốn quen thuộc qua những dòng thơ của Nguyễn Bính đã trở lên có hương, có sắc, có linh hồn và trở nên vô cùng thân thiết. Ông không chỉ tả cảnh quê mà còn gợi lên một cách thấm thía cái hồn quê, cái chân quê. Vì vậy, có thể nói, thi nhân đã tìm được mảnh đất nương náu cho tâm hồn mình trong cơn gió bụi cuộc đời.  
               Nguyễn Bính sinh ra và lớn lên ở một miền quê đói nghèo thuộc nền văn minh châu thổ Sông Hồng, cho nên Nguyễn Bính đã được sớm đắm mình trong không gian thôn dã, hấp thụ được những giá trị văn hóa dân gian, dân tộc nơi xóm làng. Có lẽ, chính quê hương đã nhuộm thắm tâm hồn thi sĩ, ấn định bản sắc chính của một phong cách thơ chân quê. Thế nên, kí ức sâu sắc nhất của Nguyễn Bính hướng về một ngôi làng nghèo đói vùng chiêm trũng quanh năm trắng nước trắng trời, nơi đã từng gắn bó với tuổi thơ của một đời người. Do đó, như một khát vọng tự nhiên, cảnh quê hương trong thơ Nguyễn Bính thường rất đẹp, tươi sáng và rất thơ mộng: *“Sáng giăng chia nửa vườn chè/Một gian nhà cỏ đi về có nhau”* ***(Thời trước)***. Nhà thơ có những câu thơ thật đẹp, thật hay về một nông thôn yên vui, no ấm, thanh bình:

*“Thủa ấy làm sao thật thái bình*  
*Trai hiền với bạn gái đồng trinh*  
*Đời say men rượu thơm hoa rụng*  
*Tràn những thơ ngây ngập cảnh đồng”****(Hoa với rượu)***

            Có đúng không, gợi cảm nhất, đẹp nhất, đầy sức sống nhất của cảnh quê trong thơ Nguyễn Bính là hàng loạt bài thơ về mùa xuân? *(****Thơ xuân, Xuân về, Mưa xuân, Mùa xuân xanh, Vườn xuân****…)*Mùa xuân tới khiến làng mạc bừng lên bao sắc màu tươi tắn, mọi vật nảy nở, sinh sôi, người người như trẻ lại:

*“Đã thấy xuân về với gió đông*  
*Với trên màu má gái chưa chồng*  
*Bên hiên hàng xóm cô hàng xóm*  
*Ngước mắt nhìn giời đôi mắt trong”****(Xuân về)***

           Ở một góc độ khác, trong miền ký ức của Nguyễn Bính đối với làng quê luôn hiện lên hình ảnh mảnh vườn quê. Với nhà thơ, mảnh vườn vừa là “biểu tượng” vừa là “ám ảnh của nông thôn trong thơ”: vườn nhà, vườn dâu, vườn ai, vườn trầu, vườn cam… ở đây, vườn không chỉ là biểu tượng của thôn quê mà là biểu tượng của cả dân tộc Việt Nam. Hãy đọc vào thơ để thấy sự đa dạng về ý nghĩa của“vườn”.  
           “Vườn” với nghĩa là nhà như ở những dõng thơ sau: *“Em ơi, em ở lại nhà/Vườn dâu em đốn, mẹ già em thương”* ***(Lỡ bước sang ngang)***. Hay “vườn” cũng có nghĩa là hình ảnh quê hương yêu dấu đối với những người con xa quê, phiêu bạt nơi đất khách quê người: *“Đem thân về chốn vườn dâu cũ/Buồn cũng như khi chị lấy chồng”****(Xuân tha hương)***.  
“Vườn” còn là nơi in dấu những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ, cái tuổi leo trèo nghịch ngợm:

“*Một thửa vườn hoang bên cạnh ao*  
*Xương rồng cỏ bãi lẫn rau sam*  
*Vườn này ngày nhỏ anh còn nhớ*  
*Đã nhảy qua tường bẻ trộm cam”****(Vườn xưa)***

           Để góp phần làm cho làng quê Việt Nam đẹp và thơ mộng còn có những cánh bướm với những vườn hoa rực rỡ sắc màu. Nó tô đã điểm cho những “bức họa đồng quê được dệt bằng thơ” thêm xinh tươi và gợi cảm hơn:

*“Qua dậu tầm xuân thấy bướm nhiều*  
*Bướm vàng vàng quá, bướm yêu yêu*  
*Em sang bắt bướm vườn anh mãi*  
*Quên cả làng Ngang động trống chèo”****(Hết bướm vàng)***

            Ngoài ra, cảnh vật làng quê trong ký ức của Nguyễn Bính đó là những buổi chiều êm đềm làm dịu tâm hồn con người nơi chốn quê: *“Thâu đêm tiếng sáo ngân dài/Vi vu tiếng vọng muôn đời quê ta”****(Chuyện tiếng sáo diều)***. Nhắc đến cảnh làng quê trong thơ Nguyễn Bính thì không thể thiếu hình ảnh những bờ ao, miệng giếng. Đó là những hình ảnh gắn liền với đời sống sinh hoạt cũng như đời sống tâm tình của người nhà quê: *Đêm cùng đón ánh trăng cao/Ngồi bên giếng ngọc đếm sao trên trời”****(Tiền và lá)***. Giếng trong mắt người nhà quê luôn được coi là một cái gì đó trong sáng và thanh khiết như cái trong sáng của tâm hồn: *“Hồn tôi giếng ngọt trong veo/Trăng thu trong vắt biển chiều trong xanh”* ***(Tình tôi)***.  
           Trầu cau, hàng rào với dậu mùng tơi, dậu tầm xuân cũng là những hình ảnh tiêu biểu của chốn thôn quê mà không thể vắng mặt trong thơ Nguyễn Bính. Những cảnh vật tuy nhỏ bé, bình thường, quen thuộc với người dân thôn quê, song khi đi vào trong thơ, nó trở nên vô cùng thi vị và có sức lay động lòng người.

           Trong thơ Nguyễn Bính thôn quê là cái gì đó bất biến trong không gian và thời gian. Cái hồn quê, cái chân quê không chỉ hiện rõ ở cảnh quê mà còn ở những người nhà quê chất phác, giản dị. Chính vì vậy mà thơ Nguyễn Bính làm rung động tới những gì cổ xưa nhất, mến thương nhất của tâm linh người Việt. Thời thơ ấu đã qua nhưng ai có thể quên những trò chơi thơ ngây, hồn nhiên của những cậu bé, cô bé: *“Còn nhớ năm xưa đuổi bướm vàng/Mãi vui quên cả nắng chang chang”* ***(Sống lại)***,*“Có hai em bé học trò/Xem con kiến gió đi đò lá tre”****(Tiền và lá)***…Và, Nguyễn Bính dành khá nhiều bài thơ để viết về những người mẹ, có lẽ vì ở thời nào chẳng thế, hình bóng người mẹ cũng là hình bóng quê hương. Hình ảnh người mẹ quê nghèo hiện lên thật giản dị, thật chân thực. Đấy là những bà mẹ nông thôn Việt Nam nhân hậu đảm đang, nhân hết về mình những khó nhọc, lo toan hết lòng vì chồng con, vì những người thân yêu: *“Tết đến mẹ tôi vất vả nhiều/Mẹ tôi lo liệu đủ trăm chiều”* ***(Tết của mẹ tôi)***. Mẹ sắm sửa cho con đi lấy chồng, cố gượng mà vui, chi khi tiễn con qua cửa buồng mẹ mới khóc sầu thảm và xót thương *“Con ạ! Đêm nay mình mẹ khóc/Đêm đêm mình mẹ lại đưa thoi”* ***( Lòng mẹ)***. Có người mẹ đưa tiễn con ra trấn ải xa, con đi rồi, còn mình mẹ đứng lặng giữa sân ga, dáng mẹ đổ bóng xuống sân ga trông thật sầu thảm. Chỉ với một chi tiết dáng lưng còng đổ bóng xuống sân ga, Nguyễn Bính đã nói lên được nỗi nhớ da diết, xót thương đau đớn vô cùng của người mẹ khi phải xa con: *“Tàu chạy lâu rồi, bà vẫn đứng/Lưng còng đỏ bóng xuống sân ga”* ***(Những bóng người trên sân ga)***.

          Ngoài ra, hình ảnh những cô gái quê, người đã lấy chồng, người đang thời thiếu nữ, người mới dậy thì,… có lẽ được ngòi bút Nguyễn Bính khắc họa nhiều, thậm chí là nhiều hơn cả trong số những người chân quê. Phải thế chăng, cũng như các bà mẹ, họ là hình ảnh của quê hương, nhưng là quê hương tươi trẻ, đẹp đẽ? Nhớ tới làng quê xưa là nhớ tới những cô thôn nữ chăn tằm dệt vải; những người con gái ấy thật chăm chỉ, cần cù và cũng duyên dáng, tình tứ biết bao bên khung cửi-con thoi đi về giữa những sợi tơ giăng mắc như hình ảnh cụ thể hóa cho những nhớ nhung vấn vít trong lòng cô gái: *“Gieo thoi, gieo thoi, lại gieo thoi/Nhớ nhớ, mong mong, mãi mãi rồi”****(Nhớ)***. Chính những hình ảnh đó đã nói lên phần nào số phận của các cô gái. Có những cô gái bị ép lấy chồng chấp nhận lấy người mình không yêu ***(Lỡ bước sang ngang)***. Rồi có những cô gái mãi chờ người tình, nhưng đợi mãi đợi mãi cô đành chấp nhận lên xe hoa nhưng lòng vẫn ngóng trong một người ***(Cô lái đò)***. Tuy vậy họ luôn khao khát có được một hạnh phúc đơn sơ giản dị, một cuộc sống tốt đẹp hơn ***(Hôn nhau lần cuối)***… Như vậy, Nguyễn Bính đã dành tình cảm chân thật của mình để phát hiện ra những rung động nhỏ bé trong tâm hồn người nhà quê. Những tình cảm chân thật chất phác ấy luôn làm cho mối quan hệ con người thêm ấm áp. Tình yêu chốn thôn quê thật là sâu sắc.

          Nguyễn Bính với hồn quê đậm đà, đằm thắm của mình còn được khắc họa thật sinh động những nét văn hóa làng quê. Đọc thơ Nguyễn Bính ta như được sống lại những ngày Tết cổ truyền, những ngày hội xuân, những ngày hội làng, những đêm hát chèo, buổi lễ chùa, những tín ngưỡng phong tục tập quán, những trò chơi dân gian và nếp sống xưa của người dân quê:

*“Tháng Giêng vừa Tết đầu xuân*  
*Xanh um lá mạ, trắng ngần hoa cam*  
*Mưa xuân rắc bụi quanh làng*  
*Bà già sắm sửa hành trang đi chùa*  
*Ông già vào núi đề thơ*  
*Trai tơ đình đám, giá tơ hội hè”****(Tỳ bà truyện)***

           Mùa xuân ở các làng quê Bắc Bộ mùa xuân là ngày hội của những đêm hát chèo *“Thôn Đoài vào đám hát thâu đêm”****(Mưa xuân)*** của những trò vui *“Ăn cỏi cá, đánh cờ người”* ***(Anh về quê cũ)***… Mùa xuân qua đi, lại cuộc sống thường nhật với biết bao vất vả nhọc nhằn, nhưng rồi lòng người lại xốn xang với *“Hội làng mở giữa mùa thu”* ***(Đêm cuối cùng)***… Có điều Nguyễn Bính không chỉ tài hoa khi dựng cảnh những ngày hội làng quê mà ông còn rất am hiểu và khéo léo khi đặc tả những nét văn hóa làng quê qua cách ăn mặc, qua những dáng bề ngoài của người nhà quê. Đấy là một chú bé mà người ta có thể bắt gặp dâu đó trên đường thôn: *“Tuổi thơ tóc để gáo dừa/Tuổi thơ mẹ bắt deo bùa cần cong”* ***(Tiền và lá)***. Còn đây là những trang phục của các cô gái trong ngày đi lấy chồng: *“Này áo đồng lầm, quần lĩnh tía/Này gương, này lược, này hoa tai”* ***(Lòng mẹ)***…  
          Trong thơ Nguyễn Bính còn hiện ra hàng loạt cách ứng xử giữa những người trong cộng đồng làng xã Việt Nam. Đó là những quan hệ hàng xóm, quan hệ lứa đôi, gia đình dòng tộc… Những điều vừa nêu sơ lược này có thể coi như những minh chứng khẳng định thêm rằng: “Nguyễn Bính là một nhà thơ về làng quê và là một nhà văn hóa làng Việt Nam”.  
           Bằng tài năng của một thi sĩ với tấm lòng yêu quê chung tình son sắt, Nguyễn Bính đã lưu trữ trong thơ ông những nét đẹp tinh tế và cổ điển của nơi làng quê. Đến với thơ Nguyễn Bính ta như được đắm mình trong một không gian văn hóa làng quê đậm đà bản sắc. Với những cảnh vật làng quê trong sáng, thanh mát. Với những con người quê và những tình cảm chân chất mộc mạc mà ấm áp. Với những lễ hội truyền thống, những nét sinh hoạt dân gian đã tồn tại từ hàng ngàn năm. Tất cả đều được thể hiện một cách hết sức sống động và chân thực. Tôi xin khép lại bài viết bằng lời nhắn nhủ nhẹ nhàng và giản dị của nhà thơ *“Hoa chanh nở giữa vườn chanh/ Thầy u cùng với chúng mình chân quê”* ***(Chân quê)***.

 **Hồn Việt trong thơ Nguyễn Bính**

**Nguyễn Bính bước vào thi đàn Thơ mới và để lại một dấu ấn khó phai trong lòng người đọc bởi những nét vẽ rất đặc trưng về đời sống nông thôn Việt Nam. Một dòng sông bên lở, bên bồi, một con đò nằm đợi khách sang ngang, một vườn chè, một nương dâu, một gian nhà cỏ đầy  trăng….đã đi vào hồn người như là những hình ảnh rất đỗi thân quen nơi thôn dã. Không một người dân quê nào mà không biết đến những cảnh vật vốn rất gần gũi bên mình như thế. Rồi những phiên chợ tết, ngày hội làng, đêm hội chèo … tất cả như còn đầy ở đây những nế**

Cảnh sắc thiên nhiên nông thôn trong thơ Nguyễn Bính thường tươi thắm vẻ đẹp thơ mộng. Phải chẳng đó cũng là bản chất thực tế cuộc sống: trong nhọc nhằn ảm đạm đói nghèo, trong đắng cay cơ cực, quê hương vẫn  là tất cả những gì tươi đẹp và thơ mộng mà mỗi khi hướng về đó tâm hồn con người luôn có cảm giác yên bình và yêu mến.

*Thong thả dân gian nghỉ việc đồng*

*Lúa thì con gái mượt như nhung*

*Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng*

*Ngào ngạt hương bay bướm vẽ vòng*

**(Xuân về)**

Sau những ngày lao động tảo tần để kiếm miếng cơm manh áo người dân quê lại thảnh thơi với khoảng thời gian nông nhàn, say sưa cùng hoạt động vui chơi giải trí mang giá trị tinh thần rất lớn:

*Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay*

*Hoa xoan lớp lớp rụng vơi đầy*

*Hội chèo làng Đặng đi qua ngõ*

*Mẹ bảo: Thôn Đoài hát tối nay*

**(Mưa xuân)**

Thiên nhiên rộn ràng, tươi vui, tình người dè dặt kín đáo đến ngại ngùng là nét đẹp không lẫn vào đâu được ở làng quê.

Nguyễn Bính yêu làng quê, yêu cuộc sống rất đỗi yên bình nhưng mặn mà tình nghĩa vì thế hình ảnh thôn Vân, nơi có bóng hình người mẹ thân thương hiện lên càng thơ mộng trong thơ ông:

*Thôn Vân có biếc có hồng*

*Biếc trong nắng sớm, hồng trong vườn chiều*

*Đê cao có đất thả diều*

*Trời cao lắm lắm có nhiều chim bay*

*Quả lành trĩu nặng từng cây*

*Sen đầy ao cá, cá đầy ao sen*

*Hiu hiu gió quạt trăng đèn..*

**(Anh về quê cũ)**

            Dường như trong những trang thơ Nguyễn Bính làng cảnh Việt Nam khi nào cũng hiện ra tươi tắm và bình yên đến lạ. Cả giậu mùng tơi, giàn trầu không, hàng cau liên phòng ghi nhận những mối tình thầm lặng, đơn côi, cả con đê làng, cơn mưa xuân giục giã hoa xoan nở…cùng cô hái mơ, cô hàng xóm, anh lái đò nghèo với những giấc mơ hoa đều là những vẻ đẹp mộc mạc, dung dị của cuộc sống  thôn dã mộc mạc như cũng rất đỗi thiết tha và tinh tế:

*Nhà nàng ở cạnh nhà tôi*

*Cách nhau cái giậu mùng tơi xanh rờn*

*…Giá đừng có giậu mùng tơi*

*Thế nào tôi cũng sang chơi thăm nàng*

**(Người hàng xóm)**

            Trong những ngày xa quê phiêu bạt ở trời Nam hình ảnh quê hương trong xa cách còn đọng lại bằng những kỷ niệm thật đẹp mà cũng thật buồn:

*Quê nhà xa lắc, xa lơ đó*

*Ngoảnh lại tha hồ mây trắng bay*

**(Hành phương Nam)**

            Phải chăng “*hình ảnh quê hương đã góp phần giữ lại trong con người thi sĩ nhiều phẩm chất tốt đẹp, bất chấp sự hủy hoại của hoàn cảnh khách quan*”[[1]](file:///C:\\Documents%20and%20Settings\\Administrator\\My%20Documents\\Downloads\\Nguyen%20Binh.doc" \l "_ftn1" \o "). Khác với Anh Thơ, Đoàn Văn Cừ Nguyễn Bính không gợi tả cảnh quê mà cốt yếu muốn thể hiện cái hồn quê mặn mà dung dị và thuần phác. Chính với cách nhìn mang chiều sâu như vậy đã tạo nên nét độc đáo hiếm thấy của thơ ông.

***2. Thơ chở nặng tâm tư con người thôn dã***

             Nguyễn Bính là người am hiểu sâu sắc tâm lý người quê. Đời sống của họ vốn ngưng đọng lại sau lũy tre làng. “*Những cô gái chăm tầm dệt vải chỉ đi từ khung cửi đến nương dâu, và cô lái đò thì cũng chỉ quen với một khúc sông, một cái bến. Chỉ đêm hội làng là dịp tụ hội trai thôn nọ gái thôn kia. Những mối tình quê nảy nở, bao nhiêu vui buồn, mơ ước nhớ mong, đau khổ  xôn xao lên, nhưng vẫn xôn xao trong sự tĩnh lặng cố hữu của quê hương*”[[2]](file:///C:\\Documents%20and%20Settings\\Administrator\\My%20Documents\\Downloads\\Nguyen%20Binh.doc" \l "_ftn2" \o "):

*Phường chèo đóng Nhị độ mai*

*Sao em lại đứng với người đi xem*

*Mấy lần tôi muốn gọi em*

*Lớp Mai Sinh tiễn Hạnh Nguyên sang Hồ*

**(Đêm cuối cùng)**

            Cái tình quê e ấp, rụt rè của người quê thật dễ thương đến lạ. Đó là nét văn hóa phương Đông không lẫn vào đâu được: không vồ vập, suồng sã mà đắm say, da diết vô cùng:

*Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông*

*Một người chín nhớ mười thương một người*

*Nắng mưa là bệnh của trời*

*Tương tư là bênh của tôi yêu nàng*

**(Tương tư)**

            Lắm  lúc cũng táo bạo mãnh liệt đến bất ngờ:

*Đôi ta cùng ở một làng*

*Cùng đi một ngõ vội vàng chi anh*

*Em nghe họ nói mong manh*

*Hình như họ biết… chúng mình với nhau*

**(Chờ nhau)**

            Nguyễn Bính đã hóa thân vào tâm trạng của những đôi lứa yêu nhau để thể hiện những mối tình bẽn lẽn, thiết tha và trinh nguyên ấy. Có lẽ vì thế giấc mơ cùng nỗi đau của anh lái đò nghèo, cõi lòng tan nát khi lỡ bước sang ngang của một người con gái, niềm mong nhớ đến khắc khoải của những mối tình đơn phương tội nghiệp… đều được Nguyễn Bính thể hiện hết sức cảm động, tinh tế. Dường như những hình ảnh thân quen của quê hương như giậu mùng tơi, giàn trầu, hàng cau, bến đò v..v. đều trở thành những biểu tượng của tình yêu, tình quê trắc trở. Ở đó có nỗi nhớ thương mòn mỏi, cay đắng xót xa cũng khát vọng và niềm tin mãnh liệt. Đó là tâm tình của một quê hương, một dân tộc: thuần phác, mộc mạc, đậm đà với yêu thương và cả đau thương.

***3. Từ cội nguồn dân tộc đến sự cách tân và sáng tạo độc đáo trong thi pháp sáng tác***

            Nguyễn Bính đã rất thành công khi sáng tạo ra những cấu trúc mới cho thơ hiện đại trên nền cấu trúc thơ ca truyền thống. Như một số nhà nghiên cứu đã nhận xét ông là nhà thơ đầu tiên trên thi đàn thơ ca hiện đại dùng hình thức của thơ ca dân gian để chuyển tải nội dung thẩm mĩ của Thơ mới. Thành công của thi sĩ không phải là việc sử dụng nhuần nhuyễn ca dao, dân ca đến mức đọc thơ ông ta cứ thấy thân thuộc như cuộc sống và tâm tư dân tộc mà hơn thế ở đó còn thể hiện sự hòa nhập không thể nhận thấy giữa nghệ thuật và cuộc đời. Tình quê – hồn quê đi vào thơ Nguyễn Bính tự nhiên như chính con người nơi ấy, không trau chuốt, không dàn dựng, nguyên sơ, mộc mạc nhưng cũng sâu sắc đến lạ kì. Tứ thơ và cảm xúc thơ ở đây chở nặng cả tủi hờn:

*Năm tao bảy tiết anh hò hẹn*

*Để cả màu xuân cũng nhỡ nhàng*

**(Cô lái đò)**

            Tuy nhiên để làm nên thành công ấy, nhà thơ đã không chỉ biết lắng sâu trong mạch ngầm văn hóa dân tộc mà còn không ngừng sáng tạo để chuyển tải trọn vẹn nguồn xúc cảm trừu tượng và phức tạp của đời sống tâm hồn con người. Một thôn quê không chỉ thi vị với hoa xoan đua nở, với mưa xuân rơi nhẹ, với hội làng nao nức mà còn có cả nỗi đau thân phận của cô gái sang ngang trong nghẹn ngào tủi cực, giấc mơ thật buồn của chàng trai lái đò nghèo không bao giờ có ngày “vinh qui bái tổ”,  tâm trạng cô đơn của mối tình bướm trắng v.v.. Có lẽ không có nhà thơ nào liên tục sử dụng những hình ảnh thực tế ao bèo, giàn trầu, giếng thơi… để diễn tả nỗi mất mát, đau thương của tình yêu đôi lứa thành công như Nguyễn Bính:

*Lợn không nuôi đặc ao bèo*

*Giầu không dây chẳng buồn leo vào giàn*

*Giếng thơi mưa ngập nước tràn*

*Ba gian đầy cả ba gian nắng chiều*

**(Qua nhà)**

            Sự đồng nhất giữa cái tôi trữ tình của nhà thơ với thiên nhiên, vạn vật là thi pháp cơ bản của thơ ca truyền thống được nhà thơ sử dụng hết sức thành công. Rõ ràng ở đây “*tính liên tưởng độc đáo, những mã hiện thực thực – cụ thể mang tính thẫm mỹ của tư duy dân gian được sử dụng hết sức tài hoa trong cấu trúc của cả bài thơ và ở từng từ, từng câu thơ đã mở ra chiều rộng và chiều sâu mới cho thơ hiện đại*”[[3]](file:///C:\\Documents%20and%20Settings\\Administrator\\My%20Documents\\Downloads\\Nguyen%20Binh.doc" \l "_ftn3" \o ").

            Ngôn ngữ bình dân, nhịp thơ lục bát thân quen của lối thơ dân tộc được sử dụng trong sáng tác của Nguyễn Bính không gây cảm giác nhàm chán, đơn điệu ngược lại đầy sáng tạo đến bất ngờ:

*Hôm nay dưới bến xuôi đò*

*Thương nhau qua cửa tò vò nhìn nhau*

*Anh đi đấy,  anh về đâu*

*Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu cánh buồm*

**(Không đề)**

Tiết tấu thay đổi, âm vận được mở ra như cảm xúc miên man không bao giờ dứt. Tính truyền thống và tính hiện đại trong hình ảnh thơ ở đây được kết hợp khá đặc biệt. Bến đò, cửa tò vò là ngôn ngữ, hình ảnh của dân gian nhưng đến khi cánh buồm nâu xuất hiện thì không gian truyền thống bị phá vỡ. Như vậy, với sự sáng tạo độc đáo trong thi pháp, Nguyễn Bính đã mang đến thơ hiện đại Việt Nam một dáng vẻ mới, một sinh lực mới nhưng vẫn đậm đà “hương đồng gió nội”.